SAO Y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố; 17/12/2021; 14:04:09 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20 /2021/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ

trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 182/TTr-UBND và Đề án số 16/ĐA-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 140/BC-KTNS ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng: Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (ngoài 3 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố); tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

1. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

a) Số lượng

- Phường, thị trấn loại 1: bố trí tối đa 14 người;

- Xã loại 1: bố trí tối đa 13 người;

- Xã, phường, thị trấn loại 2: bố trí tối đa 12 người;

- Xã, phường, thị trấn loại 3: bố trí tối đa 10 người.

b) Chức danh, mức phụ cấp

- Ở phường, thị trấn: 18 chức danh.

- Ở xã: 15 chức danh.

- Các chức danh kiêm nhiệm: Trưởng khối Dân vận, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy (nơi Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy là chức danh kiêm nhiệm thì Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy chuyên trách được hưởng phụ cấp này). Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện bố trí kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã để đảm bảo số lượng người bố trí theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chức danh và mức phụ cấp cụ thể đối với từng chức danh được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Quỹ phụ cấp hàng tháng

Thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Cấp xã loại 1 bằng 16,0 lần mức lương cơ sở;

- Cấp xã loại 2 bằng 13,7 lần mức lương cơ sở;

- Cấp xã loại 3 bằng 11,4 lần mức lương cơ sở.

d) Mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

- Đối với xã, phường, thị trấn loại 1: 120 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm (đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân, mức khoán 96 triệu đồng/phường, thị trấn/năm);

- Đối với xã, phường, thị trấn loại 2: 110 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm (đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân, mức khoán 88 triệu đồng/phường, thị trấn/năm);

- Đối với xã, phường, thị trấn loại 3: 100 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm (đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân, mức khoán 80 triệu đồng/phường, thị trấn/năm).

2. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Số lượng: được bố trí 3 người/thôn, tổ dân phố.

b) Chức danh, mức phụ cấp: 3 chức danh.

Ủy ban nhân dân cấp xã có thể bố trí kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố cho phù hợp với tình hình thực tế, mức độ, tính chất công việc, giảm bớt về số lượng, tạo điều kiện tăng mức phụ cấp cho người kiêm nhiệm.

Chức danh và mức phụ cấp cụ thể đối với từng chức danh được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Mức bồi dưỡng tính theo ngày trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố, tối đa: 80.000 đồng/người/ngày; chi tiết tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm

Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn hoặc người hoạt động không chuyên trách kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách nếu kiêm nhiệm để giảm được 01 người trong số những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố thì kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

5. Chế độ chi hỗ trợ thôi việc

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thôi việc dôi dư do sắp xếp ngoài chế độ được hưởng theo quy định hiện hành của Luật Bảo hiểm xã hội, được hưởng thêm 3 tháng phụ cấp hiện hưởng (không tính phụ cấp kiêm nhiệm).

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ hỗ trợ thôi việc do dôi dư khi sắp xếp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; bồi dưỡng người tham gia công việc trực tiếp ở thôn, tổ dân phố từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp và các nguồn khác theo quy định.

2. Đối với các chức danh khác thuộc các đoàn thể khi trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố được hưởng tiền bồi dưỡng từ đoàn phí, hội phí và nguồn quỹ khác (nếu có) theo quy định tại khoản 1 Điều 14a Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; mức bồi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những người đang giữ chức danh Công an xã bán chuyên trách (Phó Trưởng Công an xã, Công an viên thường trực ở xã) tại các xã không phải là xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự tiếp tục thực hiện chế độ chính sách theo Nghị quyết số 25/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết số 25/2014/NQ-HĐND hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành (trừ trường hợp quy định tại Điều 4 Nghị quyết này).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên phối hợp giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: TC, NV, TP;
- Cục Pháp chế (Bộ NV);
- Cục KTVBQPPL (Bộ TP);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Uỷ ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- ĐB HĐND TP khoá XVI;
- Các VP: TU, ĐĐBQH và HĐND, UBND TP;
- KBNN TP;
- Các Sở: TC, NV, TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP ĐĐBQH và HĐND TP;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP (để đăng);
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- Các CV VP ĐĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phạm Văn Lập

PHỤ LỤC 1

CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20 /2021/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng *(mức lương cơ sở)*
1	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	1,3
2	Phó Chủ tịch UBMTTQ	1,0
3	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,0
4	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1,0
5	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ	1,0
6	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM	1,0
7	Chủ tịch Hội người cao tuổi	1,0
8	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1,0
9	Trưởng khối Dân vận (kiêm nhiệm)	1,0
10	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy hoặc Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy (kiêm nhiệm)	1,0
11	Văn phòng Đảng ủy kiêm Tổ chức, Tuyên giáo	1,3
12	Phụ trách Đài truyền thanh và quản lý nhà văn hóa	1,0
13	Trưởng ban Bảo vệ dân phố (ở phường, thị trấn)	0,7
14	Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố (ở phường, thị trấn)	0,5
15	Nhân viên thú y	1,0
16	Đội trưởng đội dân phòng	0,6
17	Đội phó đội dân phòng	0,5
18	Nhân viên quản lý đô thị (ở phường, thị trấn)	1,0

PHỤ LỤC 2

CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20 /2021/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (mức lương cơ sở)		
		Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự; thôn thuộc xã biên giới hoặc hải đảo	**Các thôn và tổ dân phố đảm bảo quy mô số hộ gia đình**	**Thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định**
1	Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố	1,8	1,1	0,9
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố	1,8	1,1	0,9
3	Trưởng Ban công tác mặt trận	1,4	0,8	0,7

PHỤ LỤC 3

MỨC BỒI DƯỠNG NGƯỜI THAM GIA CÔNG VIỆC CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20 /2021/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

TT	Chức danh	Tổng mức bồi dưỡng tối đa/tháng khi trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (mức lương cơ sở)			Ghi chú
		Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự; thôn thuộc xã biên giới hoặc hải đảo	**Các thôn và tổ dân phố đảm bảo quy mô số hộ gia đình**	**Thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định**	
1	Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố	0,9	0,8	0,6	
2	Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn)	Không bố trí ở thôn	0,5	0,5	
3	Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn)		0,4	0,4	
4	Công an viên ở thôn	1,0	1,0	1,0	
5	Cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố	0,2	0,2	0,2	
6	Nhân viên y tế thôn				
6.1	Các thôn thuộc 3 xã: Hiền Hào, Gia Luận, Việt Hải huyện Cát Hải	0,5	0,5	0,5	
6.2	Các thôn thuộc các xã còn lại	0,3	0,3	0,3	

Ghi chú: Số lượng tối đa 04 người/thôn, tổ dân phố (mỗi chức danh 01 người)